

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T; nơi cư trú: Thôn NĐ, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NĐ, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đã bị Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1978 ở thôn NĐ, xã LA kết hôn với nhau vào ngày 18-9-2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh

chị chung sống hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên chị H đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2016 đến nay không trở về. Chị H bỏ đi biệt tích không có tin tức gì nên anh đã có đơn yêu cầu tuyên bố chị H là người mất tích. Tại Quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 26-12-2019 Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị Nguyễn Thị H là người mất tích. Từ đó đến nay, chị H không trở về gia đình và địa phương, anh và gia đình cũng không có tin tức gì về chị H. Nay anh T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể H n gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Trần Diệu B, sinh ngày 01-5-2005 và Trần Đức T, sinh ngày 09-10-2014. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp H nh yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: giao hai con chung Trần Diệu B, sinh ngày 01-5-2005 và Trần Đức T, sinh ngày 09-10-2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp

dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn ND, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã bị Tòa án nhân dân huyện VB tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 26-12-2019 đến nay không trở về và cũng không có tin tức gì. Tại phiên tòa, anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn T, bị đơn chị Nguyễn Thị H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 18-9-2001, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2016 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2016 đến nay không về gia đình. Ngày 26-12-2019 Tòa án nhân dân huyện VB, Hải Phòng đã tuyên bố chị Nguyễn Thị H là người mất tích theo Quyết định số 07/2019/QĐST-DS. Chị H đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích nên anh T đề nghị được ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Trần Văn T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H phù hợp quy định tại khoản 2

Điều 68 của Bộ luật Dân sự, Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Trần Diệu B, sinh ngày 01-5-2006 và Trần Đức T, sinh ngày 09-10-2014. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Anh T có nơi ở và thu nhập ổn định, từ khi chị H bỏ đi, anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, mặt khác cháu Trần Diệu B, sinh ngày 01-5-2006 có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Anh Trần Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Diệu B, sinh ngày 01-5-2005 và Trần Đức T, sinh ngày 09-10-2014 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh Trần Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi Cục thi H nh án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008037 ngày 07-02-2020. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi H nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H nh án dân sự, người được thi H nh án dân sự, người phải thi H nh án dân sự có quyền yêu cầu thi H nh án, tự nguyện thi H nh án hoặc bị cưỡng chế thi H nh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi H nh án dân sự; thời hiệu thi H nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H nh án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã LA huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

